

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/HS-ST

Ngày: 27-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Minh;

2. Bà Hoàng Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 90/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Đỗ Văn S, sinh năm 1990, tên gọi khác: không; Nơi thường trú: thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở hiện tại: thôn C, xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Quang L, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1960; gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ tư; có vợ Nguyễn Thị H. Sinh năm 1990; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 15 tháng 06 ngày theo bản án số 70/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong thời gian thử thách, đã thi hành xong án phí hình sự.

Ngày 29/09/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 4 năm tù theo bản án số 60/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/7/2020, đã chấp hành xong các khoản án phí hình sự, dân sự. Các khoản bồi thường dân sự: Bản án tuyên S có trách nhiệm bồi thường cho 8 người trong đó có 5 người đã được Cơ quan Thi hành án ra quyết định đình chỉ

thi hành án, còn 3 người được Cơ quan thi hành án Dân sự rà soát sổ sách không có thông tin yêu cầu thi hành án.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 12/04/2026 đến ngày 21/4/2026 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N. “có mặt”

Bị hại:

1. Nhà thờ giáo xứ H1.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: ông Phan Văn T1 – Trùm chánh giáo họ H; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

2. Nhà thờ giáo họ Đại Đồng

Địa chỉ: Xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960 – Chức vụ: Trùm chánh giáo họ Đại Đồng; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

3. Nhà thờ giáo họ Phù Ngọc

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1970 – Chức vụ: Trùm chánh giáo họ Phù N; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

4. Nhà thờ giáo họ Giâu Ba

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện: Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1963 – Chức vụ: Trùm phó Giáo họ Dâu Ba; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

5. Nhà thờ giáo họ Sa Đ

Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: Ông Vũ Duy Q, sinh năm 1978 – Chức vụ: Trưởng ban hành giáo Giáo họ S; nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

6. Nhà thờ giáo họ Đông Bình

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: Ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1973 – Chức vụ: Trùm chánh giáo xứ H1; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

7. Nhà thờ giáo xứ H1

Địa chỉ: Thôn B H, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1959 – Chức vụ: Trùm chánh giáo xứ H1; nơi cư trú: Thôn B H, xã H, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

8. Nhà thờ giáo họ Tân Thành

Địa chỉ: Thôn Tân Phường, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1981 – Chức vụ: Trùm phó giáo họ T; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

9. Nhà thờ giáo họ Tân Châu

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: ông Vũ Văn D, sinh năm 1973 – Chức vụ: Trùm chánh giáo xứ T6; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

10. Nhà thờ giáo họ Tây Làng

Địa chỉ: Thôn Tân Phường, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: ông Đỗ Viết N2, sinh năm 1962 – Chức vụ: Trùm chánh giáo họ T; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn thu nhập nên Đỗ Văn S đã đi trộm cắp tài sản là tiền trong các hòm công đức tại các nhà thờ lấy tiền ăn tiêu. Cụ thể: Thông qua mạng xã hội, Đỗ Văn S biết địa bàn tỉnh Nam Định cũ có nhiều nhà thờ công giáo và trong các nhà thờ này đều có hòm công đức đựng tiền, nên S đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S sử dụng ứng dụng Google Map trên điện thoại di động để tìm kiếm địa chỉ các nhà thờ, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 98N7 - 7383 mặc áo khoác gió màu xám đen dạng áo phao, có mũ, đội mũ lưỡi trai đen, đeo khẩu trang màu xám, đeo kính, mang theo balo xanh đựng toàn bộ công cụ, gồm: 01 dùi đục bằng kim loại, dài 20 cm; 02 xà cày bằng kim loại dài khoảng 40 cm; 01 tua vít, 01 kìm kim loại; 02 găng tay bằng vải, màu đen, 01 áo dạng áo chống nắng màu xanh than. S đi từ thôn C, xã H, tỉnh Bắc Ninh, theo hướng đường về cầu H, tỉnh Thái Bình cũ, rồi đi men theo lối ra Thành phố N cũ và tiếp tục di chuyển trên tỉnh lộ 490C để xuống các nhà thờ giáo xứ, giáo họ tại địa bàn các xã, tỉnh Ninh Bình. Khi đến các nhà thờ giáo xứ, giáo họ... S trèo qua cổng để vào trong khuôn viên rồi dùng xà cày đã chuẩn bị, cạy phá khoá cửa bên hông vào bên trong, S quan sát: nếu có hệ thống camera an ninh giám sát, S sẽ tìm dây nguồn rút ổ điện hoặc chỉnh mắt camera an ninh quay đi vị trí không thể giám sát được rồi tìm hòm công đức, kết đục tiền cạy phá để thực hiện hành vi trộm cắp. Cụ thể:

Khoảng 23 giờ, ngày 30/3/2026, S đến Nhà thờ Giáo họ Đại Đồng, xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960, trú tại: Xóm T, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm chánh Giáo họ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp 15.000.000 đồng trong két sắt.

Khoảng 02 giờ 48 phút, ngày 31/3/2026, S đến Nhà thờ Giáo họ G1, thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Bùi Văn T4, sinh năm: 1963, trú tại: thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm phó Giáo họ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 4.200.000 đồng trong két sắt.

Khoảng 23 giờ 09 phút, ngày 02/4/2026, S đến Nhà thờ Giáo họ G1, thôn S, xã T, tỉnh Ninh Bình, do ông Vũ Duy Q, sinh năm: 1978, trú tại: thôn S, xã T, tỉnh Ninh Bình làm trưởng ban hành giáo Giáo họ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 2.000.000 đồng trong hòm công đức bằng gỗ

Khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 03/4/2026, S đến Nhà thờ Giáo xứ H1, thuộc thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Bùi Văn Đ1, sinh năm: 1973, trú tại: thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm chánh Giáo xứ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 2.000.000 đồng trong két sắt.

Khoảng 00 giờ 17 phút, ngày 06/4/2026, S đến Nhà thờ Giáo xứ H1, thuộc thôn B H, xã H, tỉnh Ninh Bình, do ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1959, trú tại: thôn B H, xã H, tỉnh Ninh Bình làm trùm chánh Giáo xứ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng trong két sắt.

Khoảng 23 giờ 17 phút, ngày 11/04/2026, S đến Nhà thờ Giáo họ G1, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Phạm Văn L1, sinh năm: 1981, trú tại: thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm phó Giáo xứ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 3.500.000 đồng bên trong két sắt.

Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 11/04/2026, S tiếp tục đến Nhà thờ G1 họ T, thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Đỗ Viết N2, sinh năm: 1962, trú tại: thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm chánh Giáo họ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 150.000 đồng trong hòm công đức bằng gỗ.

Khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 12/4/2026, S đến Nhà thờ Giáo xứ tân H1, xã N, tỉnh Ninh Bình, do ông Vũ Văn D, sinh năm: 1973, trú tại: thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình làm trùm chánh Giáo xứ, có trách nhiệm trông coi quản lý, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 7.500.000 đồng trong két sắt.

Cơ quan điều tra thu giữ, xử lý vật chứng sau:

- 01 xe mô tô biển số 98N7 - 7383, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE S, dung tích 109cm³, màu đỏ, xám, đen; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 98N7 - 7383 mang tên chủ xe Nguyễn Văn T5 sinh năm 1984, trú tại TDP Tự, phường V, tỉnh Bắc Ninh và 01 giấy mua bán xe.

- 01 túi đựng; 01 xà cây bằng kim loại tối màu, có chiều dài 39cm, 1 đầu dẹt, 1 đầu nhỏ đỉnh, đường kính thân trục 1,5cm; 01 xà cây bằng kim loại tối màu, có chiều dài 41cm, 1 đầu dẹt, 1 đầu nhỏ đỉnh, đường kính thân trục 2cm; 01 tua vít; 01 kìm kim loại; 01 túi đựng bằng kim loại, 02 găng tay bằng vải; 01 khẩu trang màu xám; 01 mũ lưỡi chai; 01 ba lô; 01 mũ bảo hiểm; 01 áo dạng áo chống nắng; 01 áo khoác gió có mũ; 01 áo khoác dạng áo phao; 01 kính đeo có gọng bằng nhựa, 02 mắt kính màu vàng.

- Số tiền: 57.391.000 đồng, S khai nhận đây là toàn bộ số tiền S trộm cắp được tại các nhà thờ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong nhiều ngày. Trong đó 41.350.000 đồng S trộm cắp được từ những nhà thờ giáo xứ nêu trên hiện đang được cơ quan công an tỉnh N gửi tại tài khoản kho bạc khu vực V. Đối với số tiền 16.041.000 đồng, S khai nhận là tiền S trộm cắp được tại một số nhà thờ khác nhưng S không nhớ thời gian, địa chỉ cụ thể ở đâu.

- Đối với chiếc điện thoại di động S sử dụng để tra Google Map tìm đường để đi trộm cắp tài sản S đánh mất, không thu giữ được.

- Thu 15 đoạn video trích xuất từ camera an ninh, ghi lại hình ảnh Đỗ Văn S vào trộm cắp tài sản tại H1, giáo họ được lưu giữ trong 09 đĩa DVD kèm theo hồ sơ vụ án ký hiệu từ A1 đến A9.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp các công cụ phương tiện, tài sản trộm cắp được.

Bản cáo trạng số **52/CT-VKS NBH-KV** ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình truy tố bị cáo Đỗ Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử sung ngân sách nhà nước đối với số tiền 16.041.000 đồng, do đây là số tiền vi phạm pháp luật, S trộm cắp được tại một số nhà thờ khác nhưng S không nhớ thời gian, địa chỉ cụ thể ở đâu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S **từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù**. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho G họ T, xã N số tiền 3.500.000 đồng; Giáo họ T, xã N số tiền 150.000 đồng; Giáo xứ T6, xã N số tiền 7.500.000 đồng; Giáo họ Đại Đồng, xã N số tiền 15.000.000 đồng; Giáo họ Giâu B, xã N số tiền 4.200.000 đồng; Giáo họ Sa Đề, xã T số tiền 2.000.000 đồng; Giáo họ Đ, xã N số tiền 2.000.000 đồng; Giáo xứ H1, xã H số tiền 7.000.000 đồng. Về án phí: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa một số đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận của bị cáo Đỗ Văn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: Lời khai của đại diện hợp pháp bị hại và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2026 đến ngày 12/4/2026, tại các H1, giáo họ trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Ninh Bình, Đỗ Văn S đã liên tục, 8 lần đột nhập, cạy phá các kết sắt, hòm công đức trộm cắp của: Giáo họ T, xã N số tiền 3.500.000 đồng; Giáo họ T, xã N số tiền 150.000 đồng; Giáo xứ T6, xã N số tiền 7.500.000 đồng; Giáo họ Đại Đồng, xã N số tiền 15.000.000 đồng; Giáo họ Giâu B, xã N số tiền 4.200.000 đồng; Giáo họ Sa Đề, xã T số tiền 2.000.000 đồng; Giáo họ Đ, xã N số tiền 2.000.000 đồng; Giáo xứ H1, xã H số tiền 7.000.000 đồng. Tổng số tiền Đỗ Văn S đã trộm cắp là 41.350.000 đồng.

Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Điều 173. Bộ luật Hình sự Tội trộm cắp tài sản quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

a, ...

b, Có tính chất chuyên nghiệp

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Xét hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện thì thấy: Do không có nghề nghiệp ổn định, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn thu nhập nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm **tội là cạy phá cửa và hòm công đức và kết sắt tại các nhà thờ giáo xứ, giáo họ trên địa bàn các xã tỉnh Ninh Bình để trộm cắp tài sản tổng số tiền 41.350.000 đồng**. Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn S “có tính chất chuyên nghiệp”. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã

trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội và bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản là tiền **tại các nhà thờ giáo xứ, giáo họ liên tiếp từ ngày 30/3/2026 đến ngày 12/4/2026**, là thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức là vi phạm pháp luật nên đã nộp lại toàn bộ số tiền bị cáo trộm cắp nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Xét cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện cho các giáo xứ, giáo họ là ông Nguyễn Văn T2, Bùi Văn T4, Vũ Duy Q, Bùi Văn Đ1, Nguyễn Văn N1, Phạm Văn L1, Vũ Văn D, Đỗ Viết N2 là bị hại đều yêu cầu được nhận lại số tiền do S trộm cắp và không yêu cầu bồi thường về tài sản của nhà thờ do S cạy, phá làm hư hỏng trong quá trình đột nhập trộm cắp tài sản. Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã trộm cắp cho các giáo xứ, giáo họ do ông Nguyễn Văn T2, Bùi Văn T4, Vũ Duy Q, Bùi Văn Đ1, Nguyễn Văn N1, Phạm Văn L1, Vũ Văn D, Đỗ Viết N2 là người đại diện.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 98N7 - 7383, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE S, dung tích 109cm³, màu đỏ, xám, đen; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 98N7 - 7383 mang tên chủ xe Nguyễn Văn T5 sinh năm 1984, trú tại TDP Tự, phường V, tỉnh Bắc Ninh và 01 giấy mua bán xe. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh chiếc xe mô tô trên do S mua lại, không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng, xét thấy đây là phương tiện S sử dụng để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 dùi đục; 01 xà cày bằng kim loại tối màu, có chiều dài 39cm, 1 đầu dẹt, 1 đầu nhỏ đỉnh, đường kính thân trục 1,5cm; 01 xà cày bằng kim loại tối màu, có chiều dài 41cm, 1 đầu dẹt, 1 đầu nhỏ đỉnh, đường kính thân trục 2cm; 01

tua vít; 01 kìm kim loại; 01 dùi đục bằng kim loại, 02 găng tay bằng vải; 01 khẩu trang màu xám; 01 mũ lưỡi chai; 01 ba lô; 01 mũ bảo hiểm; 01 áo dạng áo chống nắng; 01 áo khoác gió có mũ; 01 áo khoác dạng áo phao; 01 kính đeo có gọng bằng nhựa, 02 mắt kính màu vàng. Xét thấy đây là những công cụ, phương tiện S sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với Số tiền 16.041.000 đồng, S khai nhận là tiền S trộm cắp được tại một số nhà thờ khác nhưng S không nhớ thời gian, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo tìm bị hại nhưng không có kết quả. Không có các tài liệu chứng cứ khác để chứng minh, do đó không có căn cứ để xử lý đối với S về số tiền này nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Ngoài ra, ngày 25/3/2026 và ngày 31/3/2026, S còn đến Nhà thờ Giáo xứ H1, phường H, tỉnh Ninh Bình; Nhà thờ Giáo họ P, xã N, tỉnh Ninh Bình trộm cắp tiền trong hòm công đức dạng kết sắt. Tuy nhiên, trong kết không có tiền nên S không trộm cắp được tài sản gì. Do đó, không xem xét xử lý đối với S về hành vi này.

[10] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Văn S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/04/2026.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho G họ T, xã N số tiền 3.500.000 đồng; Giáo họ T, xã N số tiền 150.000 đồng; Giáo xứ T6, xã N số tiền 7.500.000 đồng; Giáo họ Đại Đồng, xã N số tiền 15.000.000 đồng; Giáo họ Giâu B, xã N số tiền 4.200.000 đồng; Giáo họ Sa Đề, xã T số tiền 2.000.000 đồng; Giáo họ Đ, xã N số tiền 2.000.000 đồng; Giáo xứ H1, xã H số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hiện số tiền 41.350.000 đồng (Bốn mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra và đang được lưu giữ tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh N mở tại kho bạc nhà nước khu vực V.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố Tụng hình sự;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 98N7 – 7383 nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE S, dung tích 109cm³, màu đỏ, xám, đen; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 98N7 - 7383 mang tên chủ xe Nguyễn Văn T5; 01 giấy bán xe mô tô BKS 98N7 - 7383 và số tiền 16.041.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 ba lô màu xanh; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Amby HELMET; 01 áo dạng áo chống nắng; 01 tua vít dài 34 cm; 01 kính đeo có gọng bằng nhựa; 01 khẩu trang màu xám; 01 dùi đục bằng kim loại có chiều dài 27 cm; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo khoác dạng áo phao; 01 kim kim loại chiều dài 19 cm; 01 xà cày bằng kim loại tối màu dài 39cm; 01 áo khoác gió có mũ; 01 xà cày bằng kim loại tối màu dài 41cm; 02 găng tay bằng vải.

Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Thủ kho vật chứng thuộc kho vật chứng Công an tỉnh N.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đỗ Văn S phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.067.500 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9 + tỉnh;
- THA DS tỉnh;
- UBND xã Hiệp Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA